

Số:02/2024/QĐST- HNGĐ

V, ngày 04 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 163/TB -TLVA ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa:

-*Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thu T, SN: 1990

HKTT: Số 66, ngách 6/6 phố Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội.

Chỗ ở: Tổ 4, Đa Sỹ, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh Lương Tuấn D, SN: 1984

HKTT: Số 66, ngách 6/6 phố Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, tp Hà Nội.

Chỗ ở: Số 55A Thủy Nguyên, khu đô thị Ecopark, xã Phụng Công, huyện V, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Con chung của chị T và anh D)

- Cháu Lương Minh Q, sinh ngày 28/01/2019.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Q: Anh Lương Tuấn D (là bố đẻ) và Chị Trần Thị Thu T (là mẹ đẻ)

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Thu T và anh Lương Tuấn D.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T và anh Lương Tuấn D đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh D cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lương Minh Q, sinh ngày 28/01/2019. Ly hôn, chị T và anh D thỏa thuận: giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh D thống nhất, chị T tự nguyện thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở chị T thăm nom con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: chị T, anh D tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T, anh D thống nhất chị Trần Thị Thu T nộp 150.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001281 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, hoàn trả chị T 150.000 đồng.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND phường V, quận B. Tp H (ĐKKH số 14 ngày 23/01/2019)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

(Đã ký)

Bùi Vũ Thu G